

Số *21* /2019/QĐ-UBND

Vinh Phúc, ngày *20* tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định hành lang bảo vệ đê đối với
đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 23 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 54/TT-BNN&PTNT ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn phân cấp đê và quy định tài trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2011/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vinh Phúc về việc phê duyệt quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết của từng tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 42/TTr-SNN&PTNT ngày 20 tháng 3 năm 2019, Báo cáo số 130/BC-SNN&PTNT ngày 09 tháng 5 năm 2019; Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật số 48/BC-STP ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hiện trạng hệ thống các tuyến đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc

1. Tuyến đê cấp IV

Tên tuyến đê	Vị trí (từ Km-Km)	Chiều dài (km)	Thuộc địa bàn huyện/TP
Đê tả Phó Đáy	K0+00 – K5+00	5,0	Huyện Tam Dương

✍

2. Tuyến đê cấp V

a. Đê Bồi

STT	Tên đê Bồi	Tên đê chính	Vị trí tương ứng với Km đê chính (đê Trung ương)	Chiều dài (km)
	Đê Bồi Vinh Tường – Yên Lạc từ K0+00-K27+130	Đê tả sông Hồng	K0+00 của tuyến đê Bồi tương ứng với K4+600 đê tả Hồng xã Cao Đại; K27+130 của tuyến đê Bồi tương ứng với K30+600 đê tả Hồng xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội	27,13
2	Đê Bồi Đôn Nhân, xã Đôn Nhân, huyện Sông Lô	Đê tả sông Lô	K8+700-K10+200	4,3

b. Tuyến đê địa phương (nội đồng)

STT	Tên tuyến đê	Sông	Thuộc địa bàn huyện/TP	Chiều dài (km)
1	Tả Cà Lò, Hữu Cà Lò	Cà Lò	Huyện Bình Xuyên, thành phố Phúc Yên	23,0
2	Sáu Vó	Sông Phan	Huyện Bình Xuyên, thành phố Vĩnh Yên	6,0

Điều 2. Hành lang bảo vệ các tuyến đê quy định tại Điều 1 như sau

1. Hành lang bảo vệ các tuyến đê ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch được tính từ chân đê trở ra 05m về phía đồng và 05m về phía sông.

2. Hành lang bảo vệ đê ở những vị trí còn lại (ngoài khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch) được tính từ chân đê trở ra 10m về phía đồng và 10m về phía sông.

3. Hành lang kè bảo vệ đê, công qua đê được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 23, Luật Đê điều.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành: Tài nguyên & Môi trường, Giao thông Vận Tải, Xây dựng, Công an tỉnh hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quyết định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

✍

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2019.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên & Môi trường, Giao thông Vận Tải, Xây dựng, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Dương, Sông Lô, Bình Xuyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có đề nêu tại Điều 1; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nội dung:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Vĩnh Phúc;
- Công thông tin GTĐT tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, NN3.

(TAT- 36 b) *đb*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khước

